

Số: 162 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 18 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; số 61/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 và số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 146/TTr-SKHĐT ngày 14/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2023.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Các phòng VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Trung

**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Nghệ An)*

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa rất quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Đại hội Đảng các cấp và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Việc thực hiện kế hoạch dự báo có những cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức sẽ ngày càng nhiều hơn. Sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất gia tăng; sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức; cạnh tranh về thu hút đầu tư, thị trường xuất khẩu có thể trở nên gay gắt hơn; các thị trường xuất khẩu lớn, truyền thống bị thu hẹp; dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, bão lũ tiếp tục diễn biến bất thường, ảnh hưởng nặng nề hơn; những yếu tố đột xuất, bất ngờ vẫn tiềm ẩn rủi ro, khó dự báo tiếp tục tác động, ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế xã hội, đời sống nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; UBND tỉnh yêu cầu các ngành, các cấp quán triệt các nội dung theo Nghị quyết của Chính phủ, Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các Nghị quyết của HĐND tỉnh và chủ đề điều hành của Chính phủ năm 2023 là **“Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”**; thực hiện tốt 3 phương châm trong lãnh đạo, chỉ đạo là: **“Đoàn kết, thống nhất; chủ động, linh hoạt và trọng tâm, trọng điểm”**. Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu được đề ra tại các Nghị quyết của Chính phủ và HĐND tỉnh, UBND tỉnh cụ thể hóa các nội dung để triển khai thực hiện như sau:

I. QUAN ĐIỂM VÀ TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Bám sát và triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các Nghị quyết, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy và HĐND tỉnh, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX. Cùng cố, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao nhất để thực hiện thành công toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch của năm 2023.

2. Tiếp tục đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành theo hướng đồng bộ, thống nhất, chủ động, linh hoạt, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm. Chủ động đối với mọi tình huống, nhạy bén nắm bắt những diễn biến mới của tình hình, có

phương án ứng phó kịp thời, linh hoạt, quyết liệt xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh. Nâng cao trách nhiệm của từng thành viên UBND tỉnh, người đứng đầu các cấp, các ngành trong chỉ đạo, điều hành, đảm bảo sâu sát, kịp thời, khoa học, hiệu quả. Tăng cường phối hợp xử lý công việc giữa các sở, ngành, cơ quan, đơn vị; gắn việc chỉ đạo, triển khai với công tác đôn đốc, kiểm tra.

3. Tập trung thực hiện 05 nhiệm vụ trọng tâm: Rà soát, đánh giá giữa nhiệm kỳ việc thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; phối hợp với Ban Chỉ đạo Trung ương trình Bộ Chính trị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, đề xuất ban hành Nghị quyết mới gắn với các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh phát triển; hoàn thành phê duyệt và triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; triển khai thực hiện 2 dự án hạ tầng chiến lược là Cảng biển nước sâu Cửa Lò và nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Quốc tế Vinh; tập trung triển khai xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền Đề án mở rộng địa giới hành chính và không gian đô thị thành phố Vinh, Đề án điều chỉnh mở rộng Khu Kinh tế Đông Nam.

4. Bám sát tình hình thực tiễn, tận dụng mọi cơ hội để đẩy mạnh thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy tăng trưởng trong từng ngành, lĩnh vực theo kịch bản tăng trưởng đề ra gắn với nhiệm vụ của các tổ công tác được thành lập. Chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, chủ động, tích cực, hiệu quả để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và 3 chương trình mục tiêu Quốc gia ngay từ đầu năm. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số mạnh mẽ, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp, có giải pháp hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho sản xuất kinh doanh; kiên quyết khắc phục, xử lý dứt điểm các tồn tại, hạn chế trong năm 2022, nhất là các hạn chế kéo dài trong nhiều năm để tạo sự chuyển biến rõ nét và thực chất.

5. Phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế, chính trị, xã hội. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường bền vững, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, nhất là người có công, hộ nghèo, các đối tượng yếu thế ở vùng sâu, vùng xa và đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Tiếp tục củng cố, giữ vững quốc phòng, an ninh; bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, thực hiện có hiệu quả liên kết vùng trong phát triển.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chương trình hành động, các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp

a) Thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả hơn nữa các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; tổ chức rà soát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, đánh giá sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; trên cơ sở đó, nghiên cứu, bổ sung kịp

thời các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, hiệu quả đề tập trung chỉ đạo, điều hành, đảm bảo hoàn thành thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

b) Tập trung phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương và các bộ, ngành liên quan chuẩn bị và hoàn thành tốt các nội dung tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị theo kế hoạch đề ra¹; triển khai có hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 36/2021/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An theo hướng phát huy tối đa hiệu quả các chính sách trong thời gian nhanh nhất, nhằm bổ sung nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp để triển khai thực hiện Nghị quyết mới của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

c) Phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục để sớm trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời, tổ chức công bố, triển khai thực hiện, cụ thể hóa các nội dung của quy hoạch ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

d) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Đề án mở rộng địa giới hành chính và không gian đô thị thành phố Vinh; Đề án điều chỉnh mở rộng Khu kinh tế Đông Nam để tạo quỹ đất phát triển khu công nghiệp, phục vụ thu hút đầu tư.

2. Thực hiện đồng bộ các biện pháp kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19; triển khai hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

a) Tiếp tục kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và các dịch bệnh mới phát sinh. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình phòng, chống dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ và Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh. Theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh; rà soát, cập nhật, điều chỉnh các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 để chủ động các phương án ứng phó với các tình huống có thể xảy ra. Nâng cao năng lực điều trị của hệ thống y tế đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

b) Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: Các cấp, các ngành tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh, trong đó tập trung hoàn thành triển khai các chính sách được ban hành của Chương trình trong năm 2023, bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, tránh trục lợi chính sách. Theo dõi sát tình hình, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai chương trình. Khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định đối với các dự án thuộc Chương trình để triển khai thực hiện ngay sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn.

¹ Dự kiến báo cáo Bộ Chính trị trong tháng 4/2023.

3. Thúc đẩy tăng trưởng các ngành, lĩnh vực gắn với đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh

a) Phát triển nông nghiệp, nông thôn

Tập trung phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng nông nghiệp hiện đại, xanh, sạch, sinh thái, từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc ứng dụng các quy trình, công nghệ mới, thông minh, sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư đầu vào, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên. Tiếp tục cơ cấu lại nông nghiệp theo các nhóm sản phẩm chủ lực và vùng sinh thái của tỉnh để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và chế biến; thúc đẩy liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng của sản phẩm và năng lực cạnh tranh. Thu hút, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn²; thu hút doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư vào nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, ứng dụng công nghệ cao và sản xuất quy mô lớn.

Chỉ đạo các địa phương xây dựng cụ thể kế hoạch, tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác hiệu quả hơn để tăng giá trị trên đơn vị diện tích. Tổ chức lại sản xuất chăn nuôi theo chuỗi giá trị, trong đó phát huy tối đa vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp, hiệp hội và hợp tác xã nhằm kiểm soát tốt hơn về tiêu thụ sản phẩm và điều tiết cung cầu thị trường các sản phẩm chăn nuôi. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình công nghiệp, trang trại. Đồng thời, có các giải pháp đồng bộ tháo gỡ khó khăn để khôi phục, mở rộng quy mô đàn, nhất là tái đàn lợn sau dịch tả lợn Châu Phi. Tăng cường công tác thú y, phòng chống dịch bệnh. Thực hiện tốt nhiệm vụ trồng rừng tập trung; chăm sóc và bảo vệ diện tích rừng hiện có; đầu tư thâm canh để tăng năng suất gỗ rừng trồng, mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Nghi Lộc và Đô Lương.

Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng đầu tư thâm canh, ứng dụng các quy trình kỹ thuật, công nghệ, đưa vào sản xuất các loại con nuôi có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu thị trường; có các biện pháp tháo gỡ khó khăn, giúp ngư dân yên tâm vươn khơi đánh bắt xa bờ gắn với đầu tư các đội tàu có trang thiết bị đồng bộ, hiện đại và các dịch vụ hậu cần, hạ tầng nghề cá; tăng cường tuyên truyền ngư dân chấp hành nghiêm các quy định đánh bắt trên biển (IUU), bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản bền vững. Phấn đấu năm 2023, sản lượng thủy sản đạt 260 ngàn tấn; mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản lên 22.600 ha, trong đó tập trung ưu tiên đầu tư nuôi thâm canh, ứng dụng công nghệ cao tại các vùng nuôi trọng điểm như Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Hoàng Mai, Nghi Lộc.

² như: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2022 của Chính phủ về liên kết sản xuất về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An; các đề án mở rộng diện tích cây ăn quả, phát triển các sản phẩm chủ lực để phát triển các loại cây, con, sản phẩm có lợi thế so sánh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, tăng giá trị nông sản.

Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế có hiệu quả, mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mô hình sản xuất cây, con có giá trị kinh tế cao, tạo chuyên biến về cơ cấu sản xuất, tăng nhanh thu nhập cho người dân nông thôn. Phát triển sản phẩm đặc sản địa phương gắn với chỉ dẫn địa lý; tiếp tục thực hiện tốt Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) gắn với đẩy mạnh giải pháp kết nối thị trường tiêu thụ. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực xã hội để đầu tư thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó trọng tâm là phát huy vai trò chủ thể của người dân, sự tham gia của doanh nghiệp... Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế hỗ trợ xi măng làm giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng.

b) Phát triển công nghiệp

Tập trung thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 23/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nhanh và bền vững ngành công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp giai đoạn 2021-2030; đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành công nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo. Thu hút phát triển các ngành sản xuất có giá trị gia tăng cao, công nghiệp hỗ trợ, các ngành sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, thân thiện với môi trường. Triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Phát triển các vùng nguyên liệu tập trung đảm bảo đầu vào cho các nhà máy chế biến (mía, gỗ trồng, chè, cao su, dứa, thực phẩm chăn nuôi bò sữa, thủy sản...). Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện lồng ghép hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở công nghiệp nông thôn để hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh sản phẩm để mở rộng thị trường tiêu thụ, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp và công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng và đầu tư đồng bộ hạ tầng các khu công nghiệp (KCN) trong Khu kinh tế (KKT) Đông Nam, các KCN đã quy hoạch; thu hút các nhà đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp để tạo mặt bằng hấp dẫn các nhà đầu tư thứ cấp. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các KCN: VSIP, WHA, Thọ Lộc, Hoàng Mai I, Hoàng Mai II, các cụm công nghiệp để thu hút các nhà đầu tư. Tập trung chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghiệp đang triển khai đảm bảo đưa vào hoạt động trong năm 2023 để bổ sung vào giá trị sản xuất mới tăng thêm góp phần đảm bảo hoàn thành mục tiêu kế hoạch, như: Dự án sản xuất cấu kiện điện tử của Công ty TNHH Công nghệ Everwin Precision Việt Nam, công suất 270 triệu sản phẩm/năm tại KCN VSIP; Dự án Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử JuTeng (tổng mức đầu tư 200 triệu USD tại KCN Hoàng Mai 1); Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử và thiết bị chính xác Goertek (tổng mức đầu tư 500 triệu USD), Nhà máy gỗ MDF Nghệ An, Nhà máy thép không gỉ Yongjin giai đoạn 1;... Các dự án sản xuất may mặc: An Hưng 2 (công suất 10 triệu sản phẩm/năm), Nhà máy may Nagaco, Nhà máy may Matsouka Thanh Chương,...

c) Phát triển thương mại, dịch vụ

Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, nhất là các dịch vụ có lợi thế, dịch vụ mới, ứng dụng công nghệ cao. Tập trung công tác phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, khuyến khích tiêu dùng nội địa. Tăng cường thực hiện hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, phát triển thương mại điện tử trở thành hình thức thương mại chủ đạo, khai thác có hiệu quả xu hướng số hóa với sự phát triển của phương thức thanh toán điện tử và các công cụ thanh toán mới, không dùng tiền mặt. Nâng cao tính kết nối giữa sản xuất với thị trường theo chuỗi cung ứng, tập trung ưu tiên xây dựng chuỗi cung ứng hàng nông sản thực phẩm thiết yếu; hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm nông sản và các sản phẩm khác trên địa bàn tỉnh thông qua các sàn thương mại điện tử và các hệ thống phân phối, bán lẻ hiện đại có quy mô trong khu vực và trên toàn quốc để tạo ra các chuỗi kết nối cung ứng bền vững. Tập trung hỗ trợ tiêu thụ các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông sản đảm bảo các tiêu chuẩn, yêu cầu của các nhà phân phối như các sản phẩm thủy hải sản, rau củ quả,... Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thị trường, phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Phát triển xuất khẩu trên địa bàn Nghệ An giai đoạn 2021-2025”. Đẩy mạnh linh hoạt các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường nước ngoài thông qua hoạt động kết nối cung cầu xuất khẩu, tham gia hội chợ triển lãm quốc tế, tổ chức các đoàn kết nối giao thương,... để phát triển, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh, tránh phụ thuộc vào một thị trường để hạn chế rủi ro. Tập trung mở rộng, phát triển một số thị trường tiềm năng như: Hàn Quốc, Ấn Độ, Đài Loan, Đông Nam Á, Châu Âu... Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp phát huy lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, đa dạng hóa đối tác, nguồn hàng. Đẩy mạnh phát triển, nâng cao chất lượng các dịch vụ tài chính, ngân hàng; bưu chính, viễn thông. Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics tỉnh Nghệ An đến năm 2025 theo Kế hoạch số 496/KH-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh.

Cơ cấu lại sản phẩm và thị trường khách du lịch theo hướng bền vững, hiệu quả; từng bước khôi phục thị trường khách quốc tế; xây dựng và phát triển thị trường du lịch nội địa trở thành thị trường chủ lực. Tập trung làm mới các dòng sản phẩm du lịch chủ đạo nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm du lịch Nghệ An. Phát triển du lịch sinh thái tại các huyện, thị trên địa bàn tỉnh; khảo sát, xây dựng tour trekking trải nghiệm cung đường trong Vườn Quốc gia Pù Mát; tour du lịch kết nối các điểm đến nổi bật tại các trọng điểm du lịch Cửa Lò - Vinh - Nam Đàn; photo tour khám phá Nghệ An... Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động hợp tác, liên kết phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố, các doanh nghiệp du lịch lớn trong cả nước, đặc biệt là chương trình phối hợp phát triển du lịch với các tỉnh Bắc miền Trung: Thanh Hoá - Hà Tĩnh - Quảng Bình; chương trình hợp tác phát triển du lịch với thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Bắc Trung Bộ mở rộng,... nhằm quảng bá hình ảnh

điểm đến và xây dựng các tour du lịch hấp dẫn, có tính kết nối cao. Có giải pháp phù hợp hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh du lịch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực du lịch.

4. Tập trung huy động các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; tăng cường quản lý hiệu quả thu, chi ngân sách

a) Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án phát triển kết cấu hạ tầng trọng yếu giai đoạn 2021-2025. Đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành các dự án trọng điểm có tính kết nối và có sức lan tỏa để phát triển kinh tế - xã hội, nhất là về hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng số. Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các thủ tục để sớm khởi công Cảng biển nước sâu Cửa Lò; làm việc với Chính phủ, Bộ ngành Trung ương để phê duyệt điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Vinh, đồng thời phối hợp các đơn vị liên quan để lập và trình Chính phủ phê duyệt Đề án xã hội hóa đầu tư, nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Vinh để tổ chức triển khai thực hiện. Triển khai thi công mới dự án Đường tránh thị trấn Nam Đàn. Tập trung chỉ đạo các công trình trọng điểm: Đường ven biển từ Nghi Sơn đến Cửa Lò đoạn Km7 - Km76, đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 2); Đường giao thông nối Quốc lộ 7C (Đô Lương) đến đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ),... Làm việc với Chính phủ, Bộ ngành Trung ương về chủ trương đầu tư và nguồn vốn để triển khai thực hiện dự án đường từ thị xã Cửa Lò về huyện Nam Đàn; đường nối QL45 (Thanh Hóa) - QL48 (Nghệ An),...; phối hợp các Chủ đầu tư khác để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án Trung ương đầu tư trên địa bàn, đặc biệt là đường bộ cao tốc Bắc - Nam,...

b) Triển khai quyết liệt đồng bộ, chủ động, tích cực, hiệu quả các giải pháp để thúc đẩy mạnh mẽ giải ngân vốn đầu tư công và 3 chương trình mục tiêu quốc gia. Yêu cầu các ngành, địa phương, chủ đầu tư chủ động chuẩn bị mọi điều kiện tốt nhất để hoàn thành các thủ tục đầu tư, nâng cao tính sẵn sàng để giải ngân vốn của dự án ngay sau khi được giao kế hoạch vốn. Đặc biệt là huy động cả hệ thống chính trị, gắn chặt với trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong chỉ đạo thực hiện giải ngân vốn đầu tư công. Tiếp tục rà soát, đề xuất các cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật để nâng cao hiệu quả đầu tư. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công. Nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch, chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án và đấu thầu. Các sở xây dựng chuyên ngành tập trung chỉ đạo, bố trí cán bộ để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công tác thẩm định hồ sơ dự án phục vụ công tác triển khai thi công kịp tiến độ, bảo đảm trả hồ sơ thẩm định dự án không quá 01 lần. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình đầu tư công. Rà soát để triển khai thực hiện đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 gắn với điều chỉnh, điều chuyển kế hoạch và xử lý vốn dự phòng ngân sách địa phương.

c) Thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2023, theo dõi chặt

chế tiền độ thu, đánh giá, phân tích cụ thể để có phương án chỉ đạo, điều hành thu kịp thời, dự báo thu hàng tháng, quý sát đúng với thực tế phát sinh; thực hiện các giải pháp cơ cấu lại nguồn thu theo hướng tăng tỷ trọng các nguồn thu bền vững. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế; phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Thường xuyên tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện chính sách thuế, nghĩa vụ nộp thuế. Thực hiện tốt chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý chặt chẽ chi ngân sách đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và đúng chế độ. Chủ động cân đối nguồn lực đảm bảo đầy đủ các khoản chi thực hiện công tác an sinh xã hội, phòng chống dịch bệnh, thiên tai, bão lũ. Kiểm soát chặt chẽ việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh. Thành lập các Đoàn liên ngành thu hồi tiền tạm ứng kéo dài, quá hạn, khó thu hồi.

5. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; tập trung thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp

a) Thực hiện đồng bộ, thực chất các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo Đề án đã được phê duyệt, nhất là các giải pháp để cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch xúc tiến, thu hút đầu tư có trọng tâm, trọng điểm với những đối tác, ngành nghề, dự án ưu tiên đầu tư phù hợp. Tiếp tục đổi mới công tác xúc tiến đầu tư, đa dạng hóa hình thức thực hiện, tăng cường các hoạt động hợp tác, xúc tiến trực tiếp với các đối tác tiềm năng trong và ngoài nước; hệ thống hóa cơ sở dữ liệu về xúc tiến đầu tư và chuyên nghiệp hóa các ấn phẩm, tài liệu xúc tiến đầu tư để tạo điểm nhấn quảng bá, giới thiệu đến các nhà đầu tư.

b) Tập trung hỗ trợ và giải quyết các thủ tục đầu tư, các khó khăn vướng mắc đối với 03 nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng chiến lược (Công ty TNHH VSIP Nghệ An, Công ty cổ phần WHA Nghệ An và Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt) để hình thành các cực tăng trưởng về kinh doanh hạ tầng KCN. Tập trung để sớm triển khai KCN Thọ Lộc, KCN Hoàng Mai II, điều chỉnh mở rộng KKT Đông Nam để tạo không gian phát triển mới. Xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ phương tiện vận tải biển quốc tế và nội địa; hỗ trợ doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa bằng container qua Cảng Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 13/5/2021 của HĐND tỉnh; đồng thời, rà soát bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo, tuyển dụng lao động trong KKT, KCN, cơ chế đặc thù hỗ trợ GPMB dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.

c) Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên giữa Lãnh đạo tỉnh, các sở, ban, ngành với các nhà đầu tư, các cuộc giao ban với các hiệp hội doanh nghiệp để kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư, tiếp tục củng cố niềm tin của các nhà đầu tư đối với môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh, tạo hiệu ứng lan tỏa, tác động tích cực tới nhà đầu tư mới. UBND cấp huyện, cấp xã chủ động, phối hợp và tích cực hỗ trợ nhà đầu tư/doanh nghiệp trong quá trình bồi thường GPMB; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao trong công tác đền bù GPMB.

d) Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các dự án treo, dự án chậm tiến độ và dự án sử dụng đất không đúng mục đích trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh (trong đó, tập trung vào giải pháp nâng cao chất lượng thẩm định năng lực nhà đầu tư, thẩm định các điều kiện trước khi cấp phép dự án; đồng thời đẩy mạnh công tác rà soát, kiểm tra, xử lý các dự án chậm tiến độ) và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh. Các sở, ngành, địa phương tăng cường công tác phối hợp quản lý dự án đầu tư theo Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh. Thường xuyên cập nhật dữ liệu về dự án đầu tư trên hệ thống quản lý dự án đầu tư của tỉnh; đồng thời đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án theo quy định.

6. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực gắn với thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ

a) Tập trung triển khai nghiêm túc các nghị quyết, chiến lược, kế hoạch về phát triển bền vững, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đề án đảm bảo chất lượng giáo dục phổ thông, tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng phương án, lộ trình đảm bảo đạt chuẩn, duy trì và nâng chuẩn các nội dung tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia, yêu cầu phổ cập giáo dục; tổ chức kiểm tra, công nhận mới, công nhận lại và nâng chuẩn thêm được tối thiểu 201 trường để hoàn thành chỉ tiêu năm 2023 có 1.100 trường đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ đạt 75,76%). Triển khai khoa học, hiệu quả các mô hình trường học tiên tiến theo xu thế hội nhập quốc tế; tiếp tục thí điểm xây dựng 14 trường trung học trọng điểm, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2019-2023; tổ chức sơ kết đề xuất tiếp tục nhân rộng mô hình. Xây dựng mô hình trường PTDT bán trú kiểu mới ở Tiểu học và THCS; thí điểm trường PTDT bán trú THPT. Hoàn thành trung tâm điều hành giáo dục thông minh (IOC); thúc đẩy hình thức trực tuyến trong các hoạt động giáo dục, nhất là trong quản lý, điều hành, dạy học, kiểm tra đánh giá, công khai đảm bảo cá nhân hóa; triển khai mô hình dạy học ngoại ngữ trực tuyến theo tiêu chuẩn quốc tế. Hoàn thành Đề án sáp nhập trường Cao đẳng sư phạm Nghệ An, trường Cao đẳng văn hóa nghệ thuật Nghệ An vào trường Đại học Kinh tế Nghệ An và đổi tên thành Trường Đại học Nghệ An.

b) Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, nhân lực chất lượng cao, phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động, cuộc cách mạng 4.0 và hội nhập quốc tế. Tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả Đề án số 14-ĐA/TU ngày 15/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh về tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở Giáo dục nghề nghiệp phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tế. Quan tâm

liên kết, hỗ trợ doanh nghiệp, thực hiện đào tạo lao động theo địa chỉ, theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp; tăng cường hoạt động khởi nghiệp.

c) Tập trung ưu tiên, hỗ trợ đầu tư nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ tạo ra các sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh trên thị trường. Đổi mới lựa chọn, xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở xuất phát từ thực tiễn và giải quyết được các yêu cầu bức thiết của thực tiễn phát triển; tập trung phát triển theo chuỗi giá trị sản phẩm, nhất là các sản phẩm hàng hóa chủ lực, đặc sản của tỉnh. Nâng cao hiệu quả đầu tư cho khoa học và công nghệ, từng bước xã hội hóa đầu tư cho khoa học và công nghệ. Thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ địa phương, lựa chọn các sản phẩm tiêu biểu để đầu tư xác lập bảo hộ và phát triển thương hiệu sản phẩm Nghệ An. Nghiên cứu để xây dựng một số sản phẩm chủ lực mang thương hiệu quốc gia của Nghệ An. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học để tạo ra các công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường, phục vụ mục tiêu sản xuất sạch. Hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ và các hoạt động xúc tiến thị trường, tìm kiếm, môi giới, mua, bán công nghệ. Tổ chức các hoạt động điểm kết nối cung cầu, hội chợ công nghệ thiết bị nhằm giới thiệu các công nghệ thiết bị mới cho doanh nghiệp, nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị Nghệ An; kết nối với các sàn giao dịch công nghệ trong nước và khu vực. Tổ chức tốt giải thưởng sáng tạo khoa học và công nghệ và cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023.

7. Phát triển văn hóa, xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội

a) Tổ chức và tuyên truyền các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy và kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về phát triển văn hóa con người Việt Nam và Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng con người văn hóa, gia đình văn hóa Nghệ An đáp ứng hội nhập và phát triển. Tiếp tục thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, triển khai có hiệu quả chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam. Phấn đấu cuối năm 2023, có 76,3% số xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa - thể thao đạt chuẩn; 68,6% số làng bản, khối phố được công nhận đạt danh hiệu văn hóa. Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, đưa phong trào “Chạy Olympic sức khỏe toàn dân” trở thành phong trào thường niên và hàng ngày của người dân. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án thể thao thành tích cao giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Phấn đấu đến cuối năm 2023, có 25% số hộ gia đình được công nhận gia đình thể thao; có 35,8% số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

b) Chủ động triển khai các biện pháp dự phòng, dự báo, phát hiện sớm, khống chế kịp thời dịch bệnh, không để dịch bệnh bùng phát, giảm tỷ lệ mắc và tử vong do các bệnh truyền nhiễm. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng

dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến. Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng bệnh viện, phấn đấu các cơ sở khám, chữa bệnh nâng điểm chất lượng theo tiêu chí của Bộ Y tế. Phát triển mô hình bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện lớn, hạt nhân, chuyên sâu về khám, chữa bệnh. Đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu cho nhu cầu khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Đẩy mạnh công tác phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý an toàn thực phẩm; nâng cao chất lượng chất lượng dân số, chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình. Phấn đấu năm 2023, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 14,6%; 12,5 bác sỹ/vạn dân; 37,36 giường bệnh/vạn dân; tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em đạt 95% trở lên; tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt 93%.

c) Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội; tiếp tục thực hiện tốt đề án và kế hoạch giải quyết việc làm cho người lao động giai đoạn 2021-2025, chương trình an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; đổi mới, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giáo dục nghề nghiệp, tư vấn, giới thiệu việc làm; thường xuyên nắm thông tin, kết nối cung - cầu lao động trong, ngoài tỉnh và thị trường lao động quốc tế; từng bước khắc phục tình trạng thiếu lao động cục bộ ở một số ngành, nghề, thiếu lao động có trình độ kỹ năng nghề; phấn đấu năm 2023, tạo việc làm mới cho 43.000 người lao động; trong đó, giải quyết việc làm trong nước là 28.500 người, đưa người đi làm việc ở nước ngoài là 14.500 người. Kịp thời nắm bắt tình hình, hỗ trợ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh giữa doanh nghiệp và người lao động.

d) Mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), nhất là bảo hiểm tự nguyện. Tổ chức thực hiện tốt chế độ, chính sách BHXH, BHTN, BHYT; nhất là các chế độ, chính sách có hiệu lực thi hành từ năm 2023, đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHXH, BHTN, bảo hiểm y tế (BHYT). Phấn đấu năm 2023, tỷ lệ người dân tham gia BHYT: 93%; tỷ lệ lực lượng lao động tham gia BHXH: 24,9%.

e) Tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách, đề án, chương trình, kế hoạch về người có công với cách mạng, công tác bảo trợ xã hội và giảm nghèo, công tác trẻ em, bình đẳng giới đảm bảo đúng, đủ, kịp thời; làm tốt công tác huy động nguồn lực xã hội để hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy... trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu lực, phát huy hiệu quả. Tiếp tục chỉ đạo triển khai các giải pháp giảm nghèo bền vững, lồng ghép hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia gắn với thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo, phấn đấu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1- 1,5%. Phấn đấu 100% xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng; 100% hộ gia đình chính sách người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư địa phương nơi cư trú; vận động thu trên 16,5 tỷ đồng quỹ đền ơn đáp nghĩa.

g) Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả công tác dân tộc, đặc biệt là Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Quan tâm huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới đất liền. Ưu tiên đầu tư xóa đói, giảm nghèo, phát triển nhanh kinh tế - xã hội, giải quyết những khó khăn, bức xúc của đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trước mắt là tập trung cho các vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng bị ảnh hưởng của thiên tai. Chú trọng đảm bảo các hộ gia đình dân tộc thiểu số được sử dụng điện quốc gia, dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông, tiếp cận công nghệ thông tin phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt; thúc đẩy đào tạo nghề, nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

8. Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường sống; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về tài nguyên và môi trường. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên khoáng sản; tăng tính minh bạch trong công tác quản lý và sử dụng đất đai, khoáng sản, đảm bảo tài nguyên được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch hành động số 68/KH-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/CP của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Rà soát chính sách, pháp luật về lĩnh vực tài nguyên môi trường đã ban hành thuộc thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung, thay thế nhằm tháo gỡ và giải quyết vướng mắc, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế tiếp cận nguồn lực tài nguyên, nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai.

b) Đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả công tác đấu giá quyền sử dụng đất, quyền khai thác khoáng sản nhằm công khai, minh bạch trong việc cấp phép. Tập trung rà soát xử lý tình trạng dự án chậm triển khai, lãng phí, sử dụng đất sai mục đích, vi phạm pháp luật về đất đai; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm nhằm nâng hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; thực hiện hiệu quả công tác quản lý đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường. Đẩy mạnh và thực hiện tốt công tác đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các xã bị biến động đất đai do dồn điền đổi thửa, xây dựng nông thôn mới; công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; cung cấp dịch vụ công trực tuyến về đất đai.

c) Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, nhằm tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của người dân về bảo vệ môi trường, xây dựng ý thức bảo vệ môi trường trở thành nếp sống, văn hóa trong cộng đồng dân cư; tăng cường trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất; tập trung xử lý các cơ sở ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; đề xuất di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ ô nhiễm cao ra khỏi đô thị, khu dân cư.

d) Tiếp tục đánh giá hiện trạng tài nguyên nước trên địa bàn toàn tỉnh; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tổng thể để tăng cường khả năng trữ nước, ưu tiên những vùng thường xuyên bị hạn hán, xâm nhập mặn. Phối hợp thực hiện công tác quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng, đô thị, du lịch và khu kinh tế, khu công nghiệp vùng bờ kết nối với quy hoạch không gian biển, quản lý chặt chẽ hành lang bờ biển. Chủ động thực hiện có hiệu quả công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; sẵn sàng các phương án phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện công tác phòng, chống lụt bão đảm bảo an toàn, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện, công tác vận hành của các nhà máy thủy điện trên địa bàn tỉnh. Kiên quyết xử lý các vi phạm về quản lý đê điều, thủy lợi theo quy định. Thực hiện tốt các quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

e) Thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, trọng tâm là đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường và tài nguyên nước; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm nhằm nâng hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, đối thoại, giải quyết kiến nghị phản ánh, khiếu nại, tố cáo ở ngay từ cấp cơ sở; không để tình trạng đơn vượt cấp, không để phát sinh các điểm nóng phức tạp.

9. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030; thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch CCHC tỉnh Nghệ An năm 2023; thành lập Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh gắn với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, tạo sự chuyển biến đồng bộ và thực chất; triển khai đánh giá, công bố chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành và địa phương (chỉ số DDCI); thực hiện đồng bộ, nhiều giải pháp để cải thiện kết quả các Chỉ số PAPI, Chỉ số PCI, Chỉ số PAR Index và Chỉ số SIPAS của tỉnh. Thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Tiếp tục rà soát, cải cách thủ tục hành chính (TTHC) theo hướng minh bạch, cải tiến quy trình, đơn giản hóa, giảm thời gian, chi phí thực hiện, nhất là TTHC liên quan tới người dân, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã. Khắc phục các tồn tại, hạn chế kéo dài trong công tác quản lý nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; đạo đức công vụ, đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Đôn đốc triển khai thực hiện các đề án sắp xếp, tổ chức lại các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong từng đơn vị theo hướng tinh gọn, giảm mạnh đầu mối, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ nâng cao chất lượng dịch vụ. Thực hiện có hiệu quả việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng người làm việc theo vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị. Triển khai có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

c) Thường xuyên nắm bắt thông tin và kiến nghị từ cơ sở để chủ động có phương án, biện pháp xử lý kịp thời, hiệu quả. Quan tâm giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri; các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và của các đoàn giám sát chuyên đề, phiên giải trình, chất vấn của HĐND tỉnh, Thường trực và các Ban HĐND tỉnh.

d) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án số 06/CP của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025. Ưu tiên chuyển đổi số trong phát triển chính quyền số, đặc biệt là cung cấp dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp như: giáo dục, y tế, đầu tư, giao thông, nông nghiệp, công nghiệp, tài nguyên và môi trường và ưu tiên chuyển đổi số trong phát triển kinh tế, hướng đến kinh tế số. Đẩy nhanh việc số hoá ở các sở, ngành, địa phương để xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, phục vụ cải cách hành chính.

10. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hợp tác, liên kết phát triển vùng với các địa phương

a) Triển khai hiệu quả Chương trình hoạt động đối ngoại năm 2023, trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm³. Tiếp tục thúc đẩy quan hệ hợp tác với các đối tác đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, tạo khuôn khổ ổn định, tin cậy; nhất là các đối tác truyền thống, các đối tác lớn của tỉnh. Đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, kết hợp ngoại giao văn hóa thông qua các kênh thông tin, các hình thức triển khai phong phú, đa dạng, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu hình ảnh, con người, lịch sử, bản sắc văn hóa dân tộc, thế mạnh, tiềm năng, cơ hội hợp tác, đầu tư về văn hóa - du lịch của tỉnh đến bạn bè quốc tế, qua đó thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của tỉnh ngày càng sâu rộng và bền vững.

b) Củng cố, nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới vùng biển; phối hợp chặt chẽ với các tỉnh của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giáp biên giới trong việc giữ vững an ninh biên giới đất liền, xây dựng biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Thực hiện nghiêm túc việc quản lý nhà nước trong các lĩnh vực đoàn ra đoàn vào, hội nghị hội thảo quốc tế, ký kết thỏa thuận quốc tế, công tác người Việt Nam ở nước ngoài...

c) Đẩy mạnh liên kết với các địa phương trong Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ để triển khai thực hiện hiệu quả chương trình hành động thực hiện

³ Tổ chức Hội đàm cấp cao giữa tỉnh Nghệ An và tỉnh Xiêng Khoáng, Hủa Phăn (Lào), tỉnh Gifu (Nhật Bản); tổ chức và tham dự các hoạt động kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với Nhật Bản (làm việc với Đại sứ quán Nhật Bản, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Tổ chức Xúc tiến Mậu dịch Nhật Bản (JETRO) và các doanh nghiệp Nhật Bản để thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại, du lịch; tổ chức Tuần văn hóa Việt - Nhật...); tổ chức các hoạt động ngoại giao kinh tế thông qua các hội nghị, hội thảo thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại và du lịch với các đối tác: Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan; Ấn Độ, Hoa Kỳ, Ca-na-đa, các nước Châu Âu, Thái Lan, Singapore...; tham dự các hoạt động ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa nhân kỷ niệm năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và các nước (Úc, Pháp, Canada, Hà Lan, Anh, Bỉ, Italia, Phần Lan).

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị, nhất là các địa phương thuộc tiểu vùng Bắc Trung Bộ. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả, đi vào chiều sâu các thỏa thuận hợp tác đã ký kết với các địa phương trong nước như: Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, tỉnh Lâm Đồng; hợp tác phát triển giữa 3 tỉnh Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh; đồng thời, tiếp tục nghiên cứu mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương khác trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của mỗi tỉnh. Phối hợp với UBND thành phố Hồ Chí Minh tổ chức sơ kết, tổng kết chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Trung du miền núi phía Bắc đến năm 2025 tại tỉnh Nghệ An và ký kết triển khai chương trình hợp tác giai đoạn mới.

11. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

a) Tập trung chỉ đạo bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự. Tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh biên giới, miền núi, dân tộc, an ninh xã hội, an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước. Bảo vệ an toàn các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, khách quốc tế đến thăm và làm việc tại địa phương, các sự kiện chính trị, xã hội... Đẩy mạnh đấu tranh trấn áp các loại tội phạm và vi phạm pháp luật, nhất là tội phạm hình sự nguy hiểm, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm liên quan “tín dụng đen”; triệt xóa các đường dây, tụ điểm, điểm phức tạp về ma túy, “làm giảm, làm sạch” tệ nạn ma túy trên địa bàn.

b) Tham mưu Tỉnh ủy tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) của Bộ Chính trị về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Chỉ đạo chuẩn bị và tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các huyện Kỳ Sơn, Con Cuông, Nghĩa Đàn, Diễn Châu, thị xã Thái Hòa bảo đảm an toàn, hiệu quả. Triển khai tuyên chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2023 đạt 100% chỉ tiêu, bảo đảm chất lượng gắn với thực hiện nghiêm Luật dự bị động viên.

c) Bám sát định hướng công tác thanh tra năm 2023 của Thanh tra Chính phủ để xây dựng và triển khai kế hoạch thanh tra trên địa bàn tỉnh có trọng tâm, trọng điểm; đổi mới trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra. Nâng cao hoạt động công tác thanh tra, tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, thanh tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật. Đẩy mạnh công tác giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra, trọng tâm là tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về thực hiện kết luận thanh tra, nhất là tăng tỷ lệ thu hồi tiền và tài sản do vi phạm, tiêu cực, tham nhũng. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan nội chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả thanh tra.

d) Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền địa phương, đơn vị trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tiếp tục kiểm tra, rà soát, tham mưu giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài theo Kế hoạch số 2100/KH-TTCTP ngày 19/9/2013 của Thanh tra Chính phủ và Kế hoạch số 531/KH-UBND ngày 10/10/2013 của UBND tỉnh. Tăng cường các giải

pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tập trung ở những địa bàn, lĩnh vực xảy ra khiếu nại, tố cáo đông người, vượt cấp, không để phát sinh “điểm nóng”. Tăng cường phối hợp giữa Ban Tiếp công dân tỉnh, Thanh tra tỉnh và các cơ quan Trung ương, địa phương trong việc tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo; nhất là xử lý kịp thời, có hiệu quả các vụ việc khiếu kiện đông người, vượt cấp.

e) Tiếp tục tổ chức triển khai thi hành Luật phòng chống tham nhũng (PCTN) năm 2018; đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Luật PCTN; tiếp tục quán triệt và thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện công việc; nâng cao nhận thức, phát huy vai trò của xã hội trong công tác phòng, chống tham nhũng. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan tố tụng để xử lý kịp thời các vụ việc có dấu hiệu tội phạm tham nhũng được phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

12. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

a) Chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, toàn diện, khách quan, đúng đối tượng về các hoạt động chính trị - xã hội, phản ánh tình hình kinh tế - xã hội của địa phương. Nâng cao hiệu quả giám sát, kiểm tra hoạt động quảng cáo xuyên biên giới, hoạt động của các nền tảng mạng xã hội, ứng dụng công nghệ để có giải pháp xử lý kịp thời. Tập trung đấu tranh, phản bác, chỉnh lý thông tin sai lệch, thông tin sai sự thật, xuyên tạc,...; xử lý nghiêm các vi phạm.

b) Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ cơ sở; tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội, đoàn thể Nhân dân. Tăng cường tổ chức đối thoại và tiếp nhận các ý kiến phản biện chính sách để tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh của toàn xã hội, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

(Có các phụ lục kèm theo: Phụ lục 1. Một số nhiệm vụ cụ thể của các ngành, lĩnh vực; Phụ lục 2. Kịch bản tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP); Phụ lục 3. Mục tiêu phấn đấu ngành, lĩnh vực theo từng quý năm 2023).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị liên quan:

a) Quán triệt nghiêm túc phương châm phát huy tối đa các mặt tích cực, kết quả đạt được trong những năm qua, khẩn trương khắc phục các hạn chế, tồn tại; theo chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất và toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại các Nghị quyết của Chính

phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nêu tại Quyết định này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của sở, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, tạo sự chuyển biến rõ nét ngay từ đầu năm; chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện của sở, ngành, địa phương mình quản lý.

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của ngành, cơ quan, đơn vị mình để cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp để triển khai thực hiện Quyết định này; trong đó, xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện; phân công rõ người, rõ việc, rõ phòng, ban chủ trì, phối hợp, chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, thực hiện từng chỉ tiêu, kế hoạch, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu của ngành, địa phương. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch đã đề ra; tổ chức giao ban định kỳ hằng tuần, hằng tháng, hằng quý để kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện; chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

c) Theo dõi sát diễn biến tình hình, chủ động phân tích, đánh giá, dự báo để có giải pháp kịp thời, đồng bộ; định kỳ hằng quý cập nhật kịch bản tăng trưởng, mục tiêu cụ thể của các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, cập nhật kịch bản tăng trưởng chung của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh. Báo cáo tiến độ thực hiện định kỳ trước ngày 18 hằng tháng (qua hộp thư điện tử) về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tại các phiên họp thường kỳ. Các báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng gửi trước ngày 15 tháng cuối quý. Riêng báo cáo cả năm và báo cáo chuyên đề thực hiện theo chương trình công tác năm 2023 của UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định này. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tại các phiên họp thường kỳ hằng tháng và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 của tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Chính phủ; tổng kết tình hình thực hiện cả năm, chuẩn bị nội dung kế hoạch năm 2024 báo cáo UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 11 năm 2023 để báo cáo Chính phủ.

- Phối hợp Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt các công việc được giao, đảm bảo chất lượng và hoàn thành đúng thời gian quy định; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện và kiến nghị với Chủ tịch UBND tỉnh xử lý trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị không thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Phụ lục 1. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 162 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện/trình UBND tỉnh
I	Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện chương trình hành động, các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch năm 2023 kịp thời ngay từ những ngày đầu năm		
1	Quyết định về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 gắn triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 1
2	Quyết định thành lập các Tổ công tác liên ngành để chỉ đạo, thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch theo kịch bản tăng trưởng của từng ngành, lĩnh vực	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 1
3	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý I
4	Nghị quyết HĐND tỉnh về việc xử lý số vốn còn lại chưa giải ngân thuộc kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trước kéo dài sang năm 2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý I
5	Báo cáo quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trình BCH Đảng bộ tỉnh, HĐND tỉnh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 3
6	Phối hợp với Ban Chỉ đạo Trung ương về việc Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II
7	Nghị quyết HĐND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 6
8	Báo cáo kết quả thực hiện giữa nhiệm kỳ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIX và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 7
9	Nghị quyết về việc cho ý kiến đối với báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 7
10	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau khi được ban hành)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý III
11	Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án (nếu có)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Khi có đề xuất
12	Nghị quyết HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Khi có đề xuất
13	Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 11,12
14	Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 36/2021/QH15 của Quốc hội về thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Sở, ngành liên quan	Năm 2023 và các năm tiếp theo
II	Thực hiện đồng bộ các biện pháp kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19; triển khai hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		
15	Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình phòng, chống dịch Covid-19 (2022-2023) theo Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ (Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh)	Các cấp, các ngành	Năm 2023
16	Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình trên địa bàn tỉnh	Các cấp, các ngành	Năm 2023
III	Thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng các ngành, lĩnh vực gắn với đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh		
17	Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 122-KH/TU ngày 9/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình hành động số 01-Ctr/BCĐ ngày 09/9/2022 của Ban chỉ đạo Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” tỉnh Nghệ An về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trong tình hình mới.	Sở Công Thương	Tháng 01
18	Chiến lược phát triển du lịch Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Sở Du lịch	Tháng 01
19	Kế hoạch phát triển du lịch Nghệ An năm 2023	Sở Du lịch	Tháng 01

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện/trình UBND tỉnh
20	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cho chủ rừng để thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 2
21	Đề án môi trường xã một sản phẩm tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 3
22	Nghị quyết của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi trên địa bàn tỉnh (02 giai đoạn)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Giai đoạn I: tháng 3; Giai đoạn II: tháng 6
23	Tổ chức Diễn đàn kết nối tiêu thụ nông sản vùng miền tại Nghệ An năm 2023	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 5
24	Xây dựng Đề án thực hiện Chiến lược phát triển du lịch Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến 2035	Sở Du lịch	Tháng 6
25	Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 8
26	Đề án bảo tồn và phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 8
27	Đề án chuyển đổi số ngành nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 8
28	Quyết định quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 9
29	Nghị quyết HĐND tỉnh về ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2023-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 10
30	Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 11
31	Triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Nghệ An giai đoạn 2019-2025	Sở Công Thương	Năm 2023
32	Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2023
33	Đẩy nhanh tiến độ các dự án đang triển khai đảm bảo đưa vào hoạt động trong năm 2023: Dự án sản xuất cầu kiện điện tử của Công ty TNHH Công nghệ Everwin Precision Việt Nam; Dự án Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử JuTeng; Các dự án sản xuất may mặc: An Hưng 2, Nhà máy may Nagaco, Nhà máy may Matsouka Thanh Chương,...; Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử và thiết bị chính xác Goertek, Nhà máy gỗ MDF Nghệ An,...	Sở Công Thương	Năm 2023
34	Triển khai thực hiện Đề án Phát triển hạ tầng thương mại tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản, Kế hoạch phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", Kế hoạch bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023	Sở Công Thương	Năm 2023
35	Triển khai thực hiện Đề án phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Công Thương	Năm 2023
36	Triển khai thực hiện Đề án "Phát triển xuất khẩu trên địa bàn Nghệ An giai đoạn 2021-2025"	Sở Công Thương	Năm 2023
37	Triển khai thực hiện Đề án phát triển sản phẩm hàng hóa lưu niệm phục vụ khách du lịch giai đoạn 2019 - 2025	Sở Công Thương	Năm 2023
38	Triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ Logistics trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Công Thương	Năm 2023
39	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 330/KH-UBND về thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Công Thương	Năm 2023
40	Triển khai thực hiện Đề án "Số hoá, xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống công nghệ thông tin dùng chung chuyên ngành công thương"	Sở Công Thương	Năm 2023

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện/trình UBND tỉnh
41	Tập trung thực hiện Kế hoạch 55/KH-UBND ngày 26/01/2021 của UBND tỉnh xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, kết cấu hạ tầng điện lực, năng lượng để tích hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; phối hợp công tác lập Quy hoạch điện VIII; khảo sát quy hoạch các dự án nguồn điện phục vụ công tác lập quy hoạch (dự án điện gió Nam Đàn, nhà máy điện sinh khối An Việt Phát, APG, điện gió ngoài khơi)	Sở Công Thương	Năm 2023
42	Tập trung xúc tiến, thu hút đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp; rà soát, kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng, công tác bảo vệ môi trường và hoạt động của các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu CCN phục vụ công tác quản lý. Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp	Sở Công Thương	Năm 2023
43	Xây dựng chương trình làm việc với các đơn vị dịch vụ logistics lớn, Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Công Thương	Năm 2023
44	Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2022 và Kế hoạch khung giai đoạn 2022-2025	Sở Công Thương	Năm 2023
45	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND tỉnh về một số chính sách phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025	Sở Du lịch	Năm 2023
46	Xây dựng và tham mưu ban hành quy định phân cấp quản lý nhà nước về du lịch	Sở Du lịch	Năm 2023
IV	Tập trung huy động các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; tăng cường quản lý hiệu quả thu, chi ngân sách		
47	Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Kỳ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	UBND huyện Tân Kỳ	Quý I
48	Sửa đổi Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II
49	Hoàn thành thủ tục để khởi công dự án Cảng nước sâu Cửa Lò	BQL KKT Đông Nam	Quý II
50	Triển khai lập chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh theo định hướng Quy hoạch tỉnh được phê duyệt	Sở Xây dựng	Tháng 6
51	Hoàn thành Đề án thiết kế, xây dựng dữ liệu một số nhà, công trình làm cơ sở để xây dựng đơn giá xây dựng nhà, công trình để xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2024	Sở Xây dựng	Tháng 6
52	Hoàn thành việc lập Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050	Sở Xây dựng	Tháng 8
53	Đánh giá giữa kỳ thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý III
54	Hội nghị giao ban đầu tư xây dựng cơ bản toàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý III
55	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 của các dự án không có khả năng giải ngân và giải ngân chậm cho các dự án có tiến độ giải ngân tốt	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý III, IV
56	Nghị quyết HĐND tỉnh về việc điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Xây dựng	Quý IV
57	Triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch" theo Kế hoạch số 360/KH-UBND ngày 8/6/2022 của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Xây dựng	Tháng 12
58	Triển khai Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	Sở Xây dựng	Sau khi được Trung ương bố trí vốn
59	Thực hiện có hiệu quả Đề án Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng trọng điểm giai đoạn 2021-2025 đối với lĩnh vực hạ tầng giao thông vận tải	Các Chủ đầu tư	Năm 2023-2025
60	Làm việc với Chính phủ, Bộ ngành TW để phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch cảng hàng không quốc tế Vinh; phối hợp các đơn vị liên quan lập và trình Chính phủ phê duyệt Đề án xã hội hóa đầu tư, nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Vinh	Sở Giao thông vận tải	Năm 2023
61	Triển khai thi công mới dự án Đường tránh thị trấn Nam Đàn. Tập trung chỉ đạo các công trình trọng điểm: Đường ven biển từ Nghi Sơn đến Cửa Lò đoạn Km7 - Km76, Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 2), Đường giao thông nối Quốc lộ 7C (Đô Lương) đến đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ)...	Sở Giao thông vận tải	Năm 2023

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện/trình UBND tỉnh
62	Làm việc với Chính phủ, Bộ ngành TW về chủ trương đầu tư và nguồn vốn triển khai thực hiện dự án đường từ thị xã Cửa Lò về huyện Nam Đàn; đường nối QL45 (Thanh Hóa) - QL48 (Nghệ An),...	Sở Giao thông vận tải	Năm 2023
63	Tiếp tục làm việc với Bộ GTVT về nguồn vốn GPMB Quốc lộ I; phối hợp các Chủ đầu tư khác để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án Trung ương đầu tư trên địa bàn, đặc biệt là đường bộ cao tốc Bắc - Nam,....	Sở Giao thông vận tải	Năm 2023
64	Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông phối hợp Điện lực Nghệ An bố trí nguồn vốn xã hội hóa để triển khai KH ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2023
65	Tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước từ hoạt động xuất nhập khẩu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế	Cục Hải quan	Năm 2023
66	Thành lập các Đoàn liên ngành thu hồi tiền tạm ứng kéo dài, quá hạn, khó thu hồi.	Kho bạc Nhà nước	Năm 2023
V	Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; tập trung thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp		
67	Rà soát, kiểm tra các dự án triển khai chậm tiến độ trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong năm 2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng	Quý III
68	Nghị quyết HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo, tuyển dụng, kết nối cung cầu lao động trong Khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý IV
69	Tiếp tục triển khai Đề án cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025; Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh Nghệ An đến năm 2025; Văn bản số 7919/UBND-CN ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh	Các cấp, các ngành	Năm 2023
70	Xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phương tiện vận tải biển quốc tế và nội địa; hỗ trợ doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa bằng container qua Cảng Cửa Lò, tỉnh Nghệ An	BQL KKT Đông Nam	Năm 2023
71	Đề án điều chỉnh mở rộng Khu kinh tế Đông Nam và đổi tên thành Khu kinh tế Nghệ An	BQL KKT Đông Nam	Năm 2023
72	Báo cáo rà soát các quy hoạch: Quy hoạch phân khu các khu chức năng trong Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An; quy hoạch xây dựng khu nhà ở và các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc tại các KCN trên địa bàn tỉnh (bao gồm KCN trong KKT ĐN); quy hoạch sử dụng đất các KCN, khu chức năng trong Khu kinh tế Đông Nam	BQL KKT Đông Nam	Năm 2023
73	Tiếp tục triển khai tích cực đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển đổi số ngành ngân hàng, chiến lược tài chính toàn diện trên địa bàn, đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Nghệ An	Năm 2023
VI	Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực gắn với thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ		
74	Nghị quyết HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" và một số chính sách về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý II
75	Nghị quyết HĐND tỉnh quy định cơ chế chính sách đối với học sinh Lào học tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý III
76	Hoàn thành đề án sáp nhập trường CDSP Nghệ An, trường CDVHNT Nghệ An vào trường Đại học Kinh tế Nghệ An và đổi tên thành Trường Đại học Nghệ An; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý III, IV
77	Tập trung triển khai các nghị quyết, chiến lược, kế hoạch về phát triển bền vững; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo chất lượng giáo dục phổ thông; triển khai khoa học, hiệu quả các mô hình trường học tiên tiến theo xu thế hội nhập quốc tế; xây dựng mô hình trường PTDT bán trú kiểu mới ở Tiểu học và THCS; thi điểm trường PTDT bán trú THPT; tạo đột phá trong thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2023
78	Tổ chức kiểm tra, công nhận mới, công nhận lại và nâng chuẩn thêm được tối thiểu 201 trường để hoàn thành chỉ tiêu năm 2023 có 1100 trường đang đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ đạt 75,76%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2023
79	Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2023

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện/trình UBND tỉnh
80	Triển khai đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động Đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập Quốc tế giai đoạn đến 2025, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An" theo Đề án 996	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2023
81	Tổ chức Giải thưởng sáng tạo KH&CN trên địa bàn tỉnh nhằm tôn vinh các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu có những công trình có giá trị khoa học góp phần phát triển kinh tế và xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV
82	Tiếp tục xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh góp phần thúc đẩy sản xuất của các doanh nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2023
VII	Phát triển văn hóa, xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội		
83	Triển khai công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh năm 2023, trong đó tập trung triển khai các giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT đảm bảo thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Tháng 1
84	Kế hoạch tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng xuân Quý Mão 2023, kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	Sở Văn hóa và Thể thao	Tháng 1-2
85	Nghị quyết về danh mục dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực văn hóa, thể thao và gia đình sử dụng NSNN	Sở Văn hóa và Thể thao	Quý I, II
86	Kế hoạch tổ chức Lễ hội Làng Sen 2023, kỷ niệm 133 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh	Sở Văn hóa và Thể thao	Tháng 4
87	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 110 năm ngày sinh Đại tướng Chu Huy Mân	Sở Văn hóa và Thể thao	Tháng 4
88	Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 20 năm phát huy giá trị công trình Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ (2003 - 2023)	Sở Văn hóa và Thể thao	Tháng 4
89	Đề án "Phòng ngừa và giải quyết đình công không đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025, tính đến 2030"	Sở Lao động - TB và XH	Tháng 4
90	Nghị quyết HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất và dạy bơi cho trẻ em tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2026	Sở Văn hóa và Thể thao	Quý II
91	Kế hoạch Tổ chức Festival dân ca Vi Giặm Nghệ Tĩnh năm 2023	Sở Văn hóa và Thể thao	Quý II
92	Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 93 năm ngày Xô Viết Nghệ Tĩnh	Sở Văn hóa và Thể thao	Quý II
93	Đề án thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Văn hóa và Thể thao	Quý III
94	Nghị quyết HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người thuộc hộ nghèo; người dân tộc thiểu số vùng khó khăn và người mắc bệnh hiểm nghèo tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Y tế	Tháng 5
95	Nghị quyết HĐND tỉnh quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác y tế dự phòng - dân số trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Y tế	Tháng 5
96	Đề án "Phát triển Trung tâm Huyết học - Truyền máu giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030"	Sở Y tế	Tháng 5
97	Đề án "Nâng cao chất lượng truyền thông về An toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025"	Sở Y tế	Tháng 5
98	Nghị quyết của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án xây dựng Đền thờ liệt sỹ tỉnh Nghệ An (trình UBND tỉnh)	Sở Lao động - TB và XH	Tháng 5
99	Nghị quyết của HĐND tỉnh về một số chế độ, chính sách hỗ trợ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh (trình UBND tỉnh)	Sở Lao động - TB và XH	Tháng 5
100	Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh liệt sỹ (27/7/1947- 27/7/2023)	Sở Lao động - TB và XH	Tháng 5
101	Nghị quyết HĐND tỉnh hỗ trợ kinh phí khuyến khích các xã, phường thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030	Sở Y tế	Tháng 9
102	Báo cáo về việc thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023, nhiệm vụ năm 2024	Sở Lao động - TB và XH	Tháng 11
103	Báo cáo về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn tỉnh năm 2023; nhiệm vụ năm 2024	Sở Lao động - TB và XH	Tháng 11
104	Báo cáo về tình hình thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em trên địa bàn tỉnh năm 2023; nhiệm vụ năm 2024	Sở Lao động - TB và XH	Tháng 11

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện/trình UBND tỉnh
105	Hội nghị tổng kết công tác lao động, người có công và xã hội năm 2023	Sở Lao động - TB và XH	Tháng 12
106	Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023, nhiệm vụ năm 2024	Ban Dân tộc	Trước kỳ họp HĐND tỉnh cuối năm
VIII	Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường sống; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai		
107	Quyết định quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với từng loại đất bị vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 2
108	Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 3
109	Nghị quyết HĐND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác sử dụng nước dưới đất; phí thăm định hồ sơ, điều kiện khoan nước dưới đất; phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Nghệ An (thay thế Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý III
110	Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2023
111	Nghị quyết HĐND tỉnh về chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai để thực hiện công trình, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2023
IX	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số		
112	Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2023	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 1
113	Kế hoạch trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023	Sở Tư pháp	Tháng 01
114	Phối hợp, tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh Nghệ An	Sở Nội vụ	Quý I
115	Nghị quyết HĐND tỉnh phê duyệt tổng số người làm việc, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp và tổ chức Hội năm 2023	Sở Nội vụ	Quý II
116	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định đánh giá, xếp hạng CCHC các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Tháng 9
117	Nghị quyết HĐND tỉnh về giao biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2024	Sở Nội vụ	Quý IV
118	Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua Đề án mở rộng địa giới hành chính và không gian đô thị thành phố Vinh	Sở Nội vụ	Theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo đề án
119	Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2023	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2023
120	Thực hiện Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2023
121	Triển khai đánh giá, công bố chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành và địa phương (chỉ số DDCI)	Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Nghệ An	Năm 2023
122	Nghị quyết HĐND tỉnh về sáp nhập, đổi tên xóm, khối, bản	Sở Nội vụ	Năm 2023
123	Hoàn thiện và đưa vào vận hành hệ thống quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Thúc đẩy tạo lập, quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tích hợp vào kho dữ liệu dùng chung của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2023
124	Đẩy mạnh chuyển đổi số trên các lĩnh vực; triển khai mô hình chuyển đổi số cấp xã tại các huyện (Lựa chọn mỗi huyện 01 xã)	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2023

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện/trình UBND tỉnh
125	Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua kết quả rà soát, hệ thống hóa các Nghị quyết QPPL do HĐND tỉnh ban hành giai đoạn 2019-2023	Sở Tư pháp	Năm 2023
X	Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hợp tác, liên kết phát triển vùng với các địa phương		
126	Tham dự Hội nghị trụ bị lần thứ 23 Hiệp hội các tỉnh sử dụng đường 8 và đường 12 của 3 nước Việt Nam - Lào - Thái Lan tại tỉnh Bo Ly Khăm Xay, Lào	Sở Ngoại vụ	Tháng 02
127	Đón đoàn doanh nghiệp châu Âu khảo sát đầu tư tại Nghệ An	Sở Ngoại vụ	Tháng 3
128	Tổ chức Hội nghị sơ kết Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Trung du miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Tháng 3
129	Tổ chức Hội thảo xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch giữa Nghệ An và Hoa Kỳ	Sở Ngoại vụ	Quý II
130	Tổ chức Chương trình xúc tiến, đầu tư, thương mại Nghệ An tại Singapore; triển khai thực hiện các nội dung trong Biên bản ghi nhớ hợp tác đã ký giữa UBND tỉnh và Liên đoàn sản xuất Singapore	Sở Ngoại vụ	Quý II
131	Tổ chức Hội nghị tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về chủ quyền biên giới biển đảo cho các bộ, nhân dân khu vực biên giới biển tại các thị xã Cửa Lò, Hoàng Mai, các huyện Nghi Lộc, Quỳnh Lưu	Sở Ngoại vụ	Quý II
132	Tổ chức đón tiếp và làm việc với Đoàn đại biểu chính quyền tỉnh Gifu, Nhật Bản đến thăm và làm việc tại Nghệ An	Sở Ngoại vụ	Quý II/III
133	Tổ chức tuần văn hóa Việt Nam - Nhật Bản tại thành phố Vinh, các hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản	Sở Ngoại vụ	Quý II/III
134	Tổ chức đoàn lãnh đạo tỉnh đi công tác tại Nhật Bản: tổ chức hội đàm với Chính quyền tỉnh Gifu, Shizuoka và thành phố Fukuroi; tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại; tham gia sự kiện kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản	Sở Ngoại vụ	Quý II/III
135	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi công tác tại Hoa Kỳ, Canada: Làm việc với Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ và Canada; tổ chức Chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại tại Hoa Kỳ	Sở Ngoại vụ	Quý II/III
136	Tham dự Hội nghị cấp cao lần thứ 23 Hiệp hội các tỉnh sử dụng đường 8 và đường 12 của 3 nước Việt Nam - Lào - Thái Lan tại Sakon Nakhon, Thái Lan	Sở Ngoại vụ	Quý II/III
137	Đoàn công tác của tỉnh thăm và làm việc tại thành phố Gwangju, Hàn Quốc; tham dự Ngày Việt Nam tại Gwangju và Hội thảo Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch Hàn Quốc vào Nghệ An	Sở Ngoại vụ	Quý III
138	Tổ chức Hội nghị tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về chủ quyền biên giới đất liền cho các bộ, nhân dân khu vực biên giới tại các huyện Kỳ Sơn, Quế Phong	Sở Ngoại vụ	Quý III
139	Chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng và các ngành chức năng trên địa bàn phối hợp các tỉnh Lào thực hiện công tác tuyển sinh đào tạo nguồn nhân lực hỗ trợ các tỉnh bạn Lào	Sở Ngoại vụ	Quý III
140	Tổ chức Hội đàm cấp cao, ký kết Biên bản hợp tác giai đoạn 2023-2025 giữa tỉnh Nghệ An và tỉnh Bo Ly Khăm Xay (Lào)	Sở Ngoại vụ	Quý III
141	Tổ chức đoàn lãnh đạo tỉnh đi công tác tại bang Haryana, Ấn Độ: Làm việc với Chính quyền bang Haryana; tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại; Ký kết thỏa thuận hữu nghị hợp tác giữa hai địa phương; khảo sát, tìm kiếm cơ hội hợp tác về cảng biển, tham dự Hội chợ thương mại quốc tế Ấn Độ 2023 tại New Delhi	Sở Ngoại vụ	Quý III/IV
142	Hội nghị tổng kết công tác quản lý, bảo vệ biên giới đất liền, biển, đảo năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024	Sở Ngoại vụ	Quý IV
143	Tham dự Hội đàm cấp cao, ký kết Biên bản hợp tác giai đoạn 2023-2025 giữa tỉnh Nghệ An và các tỉnh Xiêng Khoảng, Hủa Phăn (Lào)	Sở Ngoại vụ	Theo thư mời của tỉnh bạn
XI	Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo		
144	Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023	Thường trực Ban An toàn giao thông tỉnh	Tháng 01

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện/trình UBND tỉnh
145	Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023	Thanh tra tỉnh	Tháng 01
146	Tổ chức tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2023 đảm bảo chỉ tiêu, chất lượng tốt	BCH Quân sự tỉnh	Tháng 2
147	Đề án Nâng cao hiệu quả hợp tác, giúp đỡ các Đại đội Biên phòng (Lào) phía ngoại biên tiếp giáp biên giới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2028 và những năm tiếp theo	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	Quý I
148	Đề án quản lý người nước ngoài trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Tháng 5
149	Kế hoạch kiểm tra việc triển khai thực hiện Đề án 06/CP của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các sở, ngành, UBND cấp huyện	Công an tỉnh	Tháng 5
150	Đề án phát quang đường thông tầm nhìn biên giới nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ biên giới đất liền tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2027	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	Tháng 5
151	Đề án về công tác tôn giáo	Công an tỉnh	Tháng 6
152	Chỉ đạo các huyện: Kỳ Sơn, Con Cuông, Nghĩa Đàn, Diễn Châu và thị xã Thái Hòa diễn tập khu vực phòng thủ; huyện Nghi Lộc diễn tập phòng, chống lụt bão chặt chẽ, bảo đảm an toàn	BCH Quân sự tỉnh	Quý III, IV
153	Đề án bảo đảm an ninh biên giới, miền núi, dân tộc giai đoạn 2023-2030	Công an tỉnh	Tháng 9
154	Tổng kết Đề án tuyên truyền, phổ biến Luật Cảnh sát biển Việt Nam giai đoạn 2019-2023	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	Tháng 9
155	Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình hành động số 70-CTr/TU ngày 06/11/2018 của BTV Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Ban chỉ đạo về chiến lược An ninh mạng quốc gia	Công an tỉnh	Tháng 10
156	Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thanh tra năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch thanh tra năm 2023 có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ và tình hình của địa phương; triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch thanh tra đã được các cấp, các ngành phê duyệt và các cuộc thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm	Thanh tra tỉnh	Năm 2023
157	Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, xử lý đơn; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp với thực tế đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở; Thực hiện tốt các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; tiếp tục kiểm tra, rà soát, tham mưu giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài	Các cấp, các ngành	Thường xuyên
158	Tiếp tục triển khai thi hành Luật phòng, chống tham nhũng và các Nghị định hướng dẫn thi hành; thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng; nâng cao nhận thức, phát huy vai trò của xã hội trong công tác phòng, chống tham nhũng	Các cấp, các ngành	Thường xuyên
XII	Đẩy mạnh thông tin truyền thông, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội		
159	Triển khai có hiệu quả công tác thông tin truyền thông, chủ động cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định. Thực hiện nghiêm quy chế phát ngôn. Tập trung tuyên truyền xây dựng xã hội lành mạnh, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật; biểu dương nhân tố tích cực, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, tạo đồng thuận xã hội	Các cấp, các ngành	Thường xuyên
160	Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng trong việc giám sát cán bộ, công chức, phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; cổ vũ, động viên phong trào tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng	Các cấp, các ngành	Thường xuyên

Phụ lục 2. DỰ KIẾN KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: %

TT	Ngành kinh tế	Thực hiện 2022	Kịch bản tăng trưởng GRDP năm 2023 đạt 9-10%						
			Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm
	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	9,08	8,5-9,5	8,3-9,3	8,4-9,4	9,7-10,7	8,8-9,8	9,5-10,5	9-10
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	4,78	5-5,6	3,4-4	4,2-4,8	4,6-5,2	4,3-4,9	5,6-6,2	4,6-5,2
2	Công nghiệp và Xây dựng	10,95	11,1-12,1	12,6-13,6	11,9-12,9	13,3-14,3	12,3-13,3	13,9-13,9	12,5-13,5
<i>a</i>	<i>Công nghiệp</i>	<i>13,87</i>	<i>12,9-13,9</i>	<i>14,4-14,4</i>	<i>13,6-14,6</i>	<i>16,3-17,3</i>	<i>14,4-15,4</i>	<i>14,7-15,7</i>	<i>14,5-15,5</i>
-	Khai khoáng	8,11	13-14	10,2-11,2	11,6-12,6	12,5-13,5	11,9-12,9	10,4-11,4	11,4-12,4
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	9,65	12,7-13,7	13,8-14,8	13,4-14,4	15-16	13,9-14,9	12,1-13,1	13,4-14,4
-	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	33,74	13,9-14,9	18,2-19,2	16,1-17,1	20,6-21,6	17,9-18,9	23,1-24,1	19,6-20,6
-	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	4,00	3,6-4,6	2,2-3,2	2,9-3,9	2,4-3,4	2,7-3,7	1,5-2,5	2,4-3,4
<i>b</i>	<i>Xây dựng</i>	<i>7,44</i>	<i>8,4-9,4</i>	<i>10,5-11,5</i>	<i>9,5-10,5</i>	<i>9,7-10,7</i>	<i>9,6-10,6</i>	<i>10,4-11,4</i>	<i>9,9-10,9</i>
3	Dịch vụ	10,77	8,7-9,9	9,1-10,3	8,9-10,1	9,8-11	9,2-10,4	9,5-10,7	9,3-10,5
-	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	18,67	13,8-15	14,3-15,5	14-15,2	14,5-15,7	14,2-15,4	14,3-15,5	14,2-15,4
-	Vận tải, kho bãi	14,57	11,7-12,9	13,6-14,8	12,6-12,8	15,7-15,9	13,7-14,9	12,1-13,3	13,2-14,4
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	39,43	20-21,2	18,9-19,1	19,8-21	21,7-22,9	20,1-21,3	17,3-18,5	19,4-19,6
-	Thông tin và truyền thông	17,41	9,1-10,3	9,9-11,1	9,5-10,7	12,8-13	10,8-12	13,2-14,4	11,5-12,7
-	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	8,64	9,3-10,5	8,1-9,3	8,6-9,8	9,1-10,3	8,8-10	9,6-10,2	9,1-10,3
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	2,13	5,0-5,4	3,6-4,0	4,4-4,8	4,9-5,3	4,6-5,0	4,6-5,0	4,6-5,0

Phụ lục 3. DỰ KIẾN MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU NGÀNH, LĨNH VỰC THEO TỪNG QUÝ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Kế hoạch đã đề ra	Năm 2023			Mục tiêu cả năm của ngành phần đầu	Mục tiêu cả năm 2023 so với ước TH 2022 (%)	Phân công chủ trì theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc
					Trong đó					
					Mục tiêu Quý I(*)	Mục tiêu 6 tháng(*)	Mục tiêu 9 tháng(*)			
I	CÂN ĐÓI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC									
1	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không bao gồm số bổ sung từ NSTW)	Tỷ đồng	21.841	15.857	4.900	9.600	14.600	20.058	91,84	Sở Tài chính
	Trong đó:									
-	Thu nội địa	Tỷ đồng	20.490	14.586	4.500	8.900	13.600	18.687	91,20	Cục Thuế tỉnh
	<i>Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>12.832</i>	<i>11.086</i>	<i>3.500</i>	<i>6.700</i>	<i>10.100</i>	<i>13.187</i>	<i>102,77</i>	<i>Cục Thuế tỉnh</i>
	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>7.658</i>	<i>3.500</i>	<i>1.000</i>	<i>2.200</i>	<i>3.500</i>	<i>5.500</i>	<i>71,82</i>	
-	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	1.331	1.250	400	700	1.000	1.350	101,43	Cục Hải quan
-	Thu viện trợ		20,0	21,473	0	0	0	21,473		Sở Tài chính
2	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	32.034	33.162,11	6.813,18	16.184,45	26.052,86	33.933,88	105,93	Sở Tài chính
-	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	10.739	9.221	1.383	4.710	7.724	9.993	93,05	
-	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	21.272	23.366,127	5.374	11.325	18.022	23.366,127	109,85	
-	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Tỷ đồng	2.890	2.890	0	0	0	2.890	100,00	
-	Dự phòng ngân sách	Tỷ đồng		550,621	56	150	307	550,621		
-	Chi viện trợ	Tỷ đồng	20,004	21,473	0	0	0	21,473	107,34	
II	CÁC CHI TIÊU CHỦ YẾU SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN									Sở Nông nghiệp và PTNT
1	Một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu									
1.1	Cây lương thực:									
-	Tổng diện tích	Ha	218.913	219.240	121.000	131.000	221.500	221.500	101,18	
-	Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	1.209.369	1.200.000	130.500	805.150	1.220.000	1.220.000	100,88	
	Trong đó: + Lúa	"	995.931	968.800	0	605.150	988.750	988.750	99,28	
	+ Ngô	"	213.438	231.200	130.500	200.000	231.250	231.250	108,35	
a	Cây lúa cả năm									
-	Diện tích	Ha	173.149	173.000	91.000	91.000	175.000	175.000	101,07	
	Trong đó: Diện tích lúa chất lượng		85.000	90.000	75.000	75.000	90.000	90.000	105,88	
-	Năng suất	Tạ/ha	57,72	56,00		66,50	56,50	56,50	97,89	
-	Sản lượng	Tấn	995.931	968.800		605.150	988.750	988.750	99,28	
b	Cây ngô cả năm									
-	Diện tích	Ha	45.764	46.240	30.000	40.000	46.500	46.500	101,61	
-	Năng suất	Tạ/ha	46,64	50,00	43,50	50,00	50,00	50,00	107,20	
-	Sản lượng	Tấn	213.438	231.200	130.500	200.000	231.250	231.250	108,35	
1.2	Cây công nghiệp ngắn ngày		213.438							
a	Cây lạc		213.438							

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Năm 2023						Phân công chủ trì theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc	
				Kế hoạch đã đề ra	Trong đó			Mục tiêu cả năm của ngành phân đầu	Mục tiêu cả năm 2023 so với ước TH 2022 (%)		
					Mục tiêu Quý I(*)	Mục tiêu 6 tháng(*)	Mục tiêu 9 tháng(*)				
-	Diện tích	Ha	11.789	12.000	11.500	11.500	12.000	12.000	101,79		
-	Năng suất	Tạ/ha	27,11	29,00			30,00	29,00	29,00	106,97	
-	Sản lượng	Tấn	31.964	34.800	0		34.500	34.800	34.800	108,87	
b	Cây mía nguyên liệu										
-	Tổng diện tích	Ha	22.560	24.000	23.000		24.000	24.000	24.000	106,38	
-	Năng suất	Tạ/ha	720,00	720,00				720,00	720,00	100,00	
-	Sản lượng	1000 tấn	1.625	1.625				1.625	1.625	100,00	
c	Cây sản nguyên liệu										
-	Diện tích	Ha	10.000	10.000	11.000		11.000	11.000	11.000	110,00	
-	Năng suất	Tạ/ha	385,00	385,00				390,00	390,00	101,30	
-	Sản lượng	Tấn	385.000	385.000				429.000	429.000	111,43	
1.3	Cây ăn quả										
	Cam tập trung										
-	Tổng diện tích	Ha	5.500	5.200	5.200		5.200	5.200	5.200	94,55	
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	4.000	4.000	4.000		4.000	4.000	4.000	100,00	
-	Năng suất	Tạ/ha	170	175,00				175,00	175,00	102,94	
-	Sản lượng	Tấn	68.000	70.000				70.000	70.000	102,94	
1.4	Cây công nghiệp dài ngày										
a	Cây chè công nghiệp										
-	Tổng diện tích	Ha	8.632	9.500	8.632		8.632	9.000	9.500	110,06	
-	Diện tích kinh doanh	Ha	7.434	7.500	7.434		7.600	7.600	7.600	102,23	
-	Năng suất	Tạ/ha	137,01	122,00				134,30	134,30	98,02	
-	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	101.942	91.500	30.000		70.000	97.000	102.000	100,06	
b	Cây cao su										
-	Tổng diện tích	Ha	9.482	10.100	9.550		9.750	10.100	10.100	106,52	
-	Diện tích kinh doanh	Ha	7.000	7.000	7.000		7.000	7.000	7.000	100,00	
-	Năng suất	Tạ/ha	13,42	12,30				12,30	12,30	91,65	
-	Sản lượng mủ khô	Tấn	8.500	8.610			4.000	8.000	8.610	101,29	
2	Chăn nuôi										
-	Tổng đàn trâu	1000 con	268	268	268		268	268	268	100,00	
-	Tổng đàn bò	1000 con	520	525	520		525	527	530	101,92	
-	Tổng đàn lợn	1000 con	1.100	1.150	1.100		1.120	1.150	1.150	104,55	
-	Tổng đàn gia cầm	1000 con	33.046	34.000	33.200		34.000	35.000	36.000	108,94	
-	Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	282.000	285.000	105.000		165.000	250.000	288.000	102,13	
-	Sản lượng sữa tươi	Triệu lít	285	260	65		160	240	290	101,75	
3	Lâm nghiệp										
-	Trồng rừng tập trung	Ha	20.686	18.500	5.000		9.500	15.000	20.500	99,10	
-	Bảo vệ rừng	Ha	964.660	964.660	964.660		964.660	964.660	964.660	100,00	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Năm 2023						Phân công chủ trì theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc
				Kế hoạch đã đề ra	Trong đó			Mục tiêu cả năm của ngành phần đầu	Mục tiêu cả năm 2023 so với ước TH 2022 (%)	
					Mục tiêu Quý I(*)	Mục tiêu 6 tháng(*)	Mục tiêu 9 tháng(*)			
-	Khoanh nuôi rừng	Ha	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	100,00	
-	Chăm sóc rừng	Ha	54.000	54.000	54.000	54.000	54.000	54.000	100,00	
-	Khai thác gỗ	1000 m ³	1.628	1.505		750	1.250	1.600	98,29	
-	Tỷ lệ che phủ của rừng	%	58,41	58,00	58,41	58,41	58,41	58,41		
4	Thuỷ sản									
a	Tổng sản lượng	Tấn	270.477	255.000	53.000	139.000	214.000	260.000	96,13	
-	Sản lượng khai thác	Tấn	203.514	192.000	38.000	104.000	160.000	193.000	94,83	
-	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	66.964	63.000	15.000	35.000	54.000	67.000	100,05	
b	Diện tích nuôi trồng	Ha	22.500	22.000	18.800	20.600	22.400	22.500	100,00	
-	Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	20.000	19.500	18.000	18.200	20.000	20.100	100,50	
-	Diện tích nuôi mặn lợ	Ha	2.500	2.500	800	2.400	2.400	2.400	96,00	
5	Phát triển nông thôn									
a	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	87,00	88,00	87,25	87,50	87,90	88,00		
b	Xây dựng nông thôn mới									
-	Lũy kế số xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới	Xã	309	319	309	309	309	319	103,24	
-	Trong đó, số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm	Xã	10	10				10	100,00	
-	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới	%	75,18	77,62	75,18	75,18	75,18	77,62		
-	Lũy kế số đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng và đạt chuẩn nông thôn mới	đơn vị	9	10	9	9	9	10	111,11	
-	Trong đó, số đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng và đạt chuẩn nông thôn mới trong năm	đơn vị	2	1				1	50,00	
-	Tỷ lệ số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới	%	45,00	50,00	45,00	45,00	45,00	50,00		
-	Lũy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	42	62	42	42	42	77	183,33	
-	Trong đó, số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong năm	Xã	22	20				35	159,09	
-	Lũy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	6	11	6	6	6	12	200,00	
-	Trong đó, số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trong năm	Xã	4	5				6	150,00	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Năm 2023						Phân công chủ trì theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc
				Kế hoạch đã đề ra	Trong đó			Mục tiêu cả năm của ngành phân đầu	Mục tiêu cả năm 2023 so với ước TH 2022 (%)	
					Mục tiêu Quý I(*)	Mục tiêu 6 tháng(*)	Mục tiêu 9 tháng(*)			
	Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được/xã	Tiêu chí/xã	16,95	17,00	16,95	16,97	16,98	17,00	100,29	
III	CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP									Sở Công Thương
I	Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu									
*	CN khai khoáng									
-	Thiếc tinh luyện	Tấn	135	135	30	65	90	135	100,00	
-	Than sạch	1000 tấn	17	17	4	8	13	17	100,00	
-	Khai thác đá xây dựng	1000 m ³	5.300	5.800	1.400	3.300	4.500	5.800	109,43	
-	Bột đá trắng	1000 tấn	900	1.200	250	650	950	1.200	133,33	
*	CN chế biến, chế tạo									
-	Thủy sản chế biến	Tấn	9.800	9.800	2.400	4.900	7.400	9.800	100,00	
-	Chè búp khô	Tấn	17.000	17.000	4.000	8.000	13.000	17.000	100,00	
-	Bia các loại (lon, chai)	Triệu lít	165.000	170.000	35.000	85.000	125.000	170.000	103,03	
-	Đường kính	Tấn	130.000	130.000	40.000	50.000	40.000	130.000	100,00	
-	Dầu thực phẩm	Lít	34.000	34.000	9.000	17.000	25.000	34.000	100,00	
-	Sữa chế biến	1000 lít	325.000	325.000	81.000	165.000	250.000	325.000	100,00	
-	Thực ăn gia súc tổng hợp	Tấn	170.000	200.000	55.000	110.000	165.000	220.000	129,41	
-	Tinh bột sắn	Tấn	65.000	65.000	16.000	33.000	50.000	65.000	100,00	
-	Nước mắm	1000 lít	150.000	150.000	30.000	70.000	110.000	150.000	100,00	
-	Cá đóng hộp	Tấn	32.000	40.000	10.000	22.000	30.000	40.000	125,00	
*	CN Dệt may, CB nông lâm, hàng tiêu dùng									
-	Quần áo may sẵn	1000 SP	85.000	100.000	21.000	45.000	70.000	100.000	117,65	
-	Sản phẩm may khác	1000 SP	20.000	25.000	4.000	9.000	14.500	25.000	125,00	
-	Giày, dép da (quy đổi)	1000 đôi	5.000	10.000	2.000	4.500	7.300	10.000	200,00	
-	Sợi các loại	Tấn	15.000	17.000	4.000	8.000	13.000	17.000	113,33	
-	Bao bì	Nghìn bao	62.000	75.000	15.000	33.000	60.000	80.000	129,03	
-	Gỗ MDF + ghép thanh	m ³	200.000	250.000	60.000	130.000	190.000	250.000	125,00	
-	Dăm gỗ	Tấn	500.000	650.000	200.000	350.000	600.000	650.000	130,00	
-	Viên nén sinh khối	Tấn	300.000	300.000	70.000	150.000	230.000	30.000	10,00	
-	Bánh kẹo các loại	Tấn	42.000	42.000	11.000	21.000	31.000	42.000	100,00	
*	Vật liệu XD									
-	Xi măng	Nghìn tấn	11.000	12.000	2.500	5.500	8.500	12.000	109,09	
-	Gạch nung quy chuẩn	Triệu viên	760	760	160	360	560	760	100,00	
-	Gạch ốp lát Granit	1000 m ²	4.000	5.000	1.000	2.500	3.200	5.000	125,00	
-	Sơn các loại	Tấn	100.000	10.000	2.000	5.000	8.000	10.000	10,00	
-	Kính cường lực	m ²	120.000	120.000	30.000	60.000	90.000	120.000	100,00	
*	Hoá chất									

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Năm 2023						Phân công chủ trì theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc
				Kế hoạch đã đề ra	Trong đó			Mục tiêu cả năm của ngành phần đầu	Mục tiêu cả năm 2023 so với ước TH 2022 (%)	
					Mục tiêu Quý I(*)	Mục tiêu 6 tháng(*)	Mục tiêu 9 tháng(*)			
-	Phân bón NPK	1000 tấn	45	60	15	30	45	60	133,33	
*	<i>Cơ khí chế tạo, điện tử</i>									
-	Sản phẩm tôn lợp các loại	Tấn	750.000	750.000	150.000	350.000	550.000	750.000	100,00	
-	Bồn nước các loại	SP	195.000	195.000	45.000	95.000	150.000	195.000	100,00	
-	Linh kiện điện tử	Triệu SP	400	500	100	200	350	500	125,00	
c	<i>CN điện nước</i>									
-	Nước máy	1000 m3	35.000	35.000	8.000	17.000	26.000	35.000	100,00	
-	Điện thương phẩm	Triệu KWh	4.500	4.500	1.000	2.200	3.400	4.500	100,00	
-	Điện sản xuất	Triệu KWh	3.900	4.200	1.000	2.000	3.900	4.200	107,69	
IV	CÁC CHỈ TIÊU DỊCH VỤ									
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	86.648	85.000	21.500	41.000	63.500	87.000	100,41	Sở Công Thương
2	Xuất, nhập khẩu									
*	Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD								Sở Công Thương
+	Xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	2.168	2.500	500	1200	1900	2500	115,31	
*	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	1195	1500	400	800	1200	1500	125,52	Sở Công Thương
3	Giao thông vận tải									Sở Giao thông vận tải
+	Khối lượng vận tải chủ yếu									
-	Khối lượng hàng hoá luân chuyển	Triệu tấn.Km	7.215,6	7.200	1.964	3.600	5.100	7.500	105	
-	Khối lượng hành khách luân chuyển	Triệu HK.Km	12.838,6	14.500	3.423	6.100	9.650	14.500	113	
+	Doanh thu vận tải	Tỷ đồng	14.298,5	14.800	3.777	3.777	11.220	15.700	110	
-	Doanh thu vận tải hàng hoá	Tỷ đồng	9.399,7	8.140	2.297	4.469	6.400	9.000	96	
-	Doanh thu vận tải hành khách	Tỷ đồng	2.934,1	4.440	1.198	2.292	3.100	4.480	153	
-	Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tỷ đồng	1.964,7	2.220	617	1.172	1.677	2.220	113	
4	Du lịch									Sở Du lịch
-	Tổng lượt khách du lịch	Nghìn lượt người	6.730	7.940	1.800	4.800	6.760	7.940	118	
+	Số lượt khách du lịch nội địa	Nghìn lượt người	6.696,5	7.858,5	1.783,5	4.768,5	6.709,5	7.858,5	117	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Năm 2023						Phân công chủ trì theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc
				Kế hoạch đã đề ra	Trong đó			Mục tiêu cả năm của ngành phân đầu	Mục tiêu cả năm 2023 so với ước TH 2022 (%)	
					Mục tiêu Quý I(*)	Mục tiêu 6 tháng(*)	Mục tiêu 9 tháng(*)			
+	Số lượt khách du lịch quốc tế	Nghìn lượt người	33,5	81,5	16,5	31,5	50,5	81,5	243	
-	Số lượt khách du lịch lưu trú (kể cả khách quốc tế)	Nghìn lượt người	4.412	5.240	1.110	3.160	4.530	5.240	119	
-	Doanh thu dịch vụ du lịch	Tỷ đồng	5.602	7.470	1.450	4.520	6.530	7.470	133	
5	Thông tin và truyền thông									Sở Thông tin và Truyền thông
-	Số Trạm BTS	Trạm	8.794	9.100	8.800	8.900	9.050	9.100	103,5	
-	Số xã có sóng TTDĐ 3G	%	100	100	100	100	100	100	100,0	
-	Số xã có sóng TTDĐ 4G	%	97	98	98	98	98	98	101,0	
-	Số thuê bao internet cố định	Thuê bao	450.532	480.000	455.000	460.000	470.000	480.000	106,5	
-	Số thuê bao điện thoại/100 dân	Thuê bao	89	90	89	90	91	90	101,1	
-	Số thuê bao internet băng thông rộng/100 dân	Thuê bao	59	60	60	60	60	60	101,7	
-	Số thuê bao truyền hình trả tiền (internet; cáp)	Thuê bao	227.905	240.000	232.000	236.000	238.000	240.000	105,3	
VI	MỘT SỐ CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI									
1	Mức giảm tỷ suất sinh	%	0,2	0,2				0,2	100,00	Sở Y tế
2	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,39	1- 1,5				1- 1,5		Sở Lao động TB&XH
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	14,9	14,6	14,85	14,8	14,7	14,6	97,99	Sở Y tế
4	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	75,66	75,76	64,67	68,46	71,42	75,76	100,13	Sở Giáo dục và Đào tạo
-	Số trường công nhận mới trong năm	trường	41	36	5	15	28	36	87,80	
-	Số trường công nhận lại trong năm	trường	201	165	35	80	110	165	82,09	
5	Tạo việc làm mới	Người	45.000	43.000	10.750	21.500	32.250	43.000	95,56	Sở Lao động TB&XH
	<i>Trong đó xuất khẩu lao động</i>	<i>Người</i>	<i>24.500</i>	<i>14.500</i>	<i>3.625</i>	<i>7.250</i>	<i>10.875</i>	<i>14.500</i>	<i>59,18</i>	
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	67,7	69	67,78	68,1	68,6	69	101,92	Sở Lao động TB&XH
7	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	93	93	93	93	93	93	100,00	Sở Y tế
8	Số bác sỹ trên 1 vạn dân	bác sỹ	12,2	12,5	12,3	12,4	12,45	12,5	102,46	Sở Y tế
9	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ	%	90	≥90	≥90	≥90	≥90	≥90		Sở Y tế
10	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	giường	36,54	37,36	37,36	37,36	37,36	37,36	102,24	Sở Y tế

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Năm 2023					Phân công chủ trì theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc	
				Kế hoạch đã đề ra	Trong đó			Mục tiêu cả năm của ngành phân đầu		Mục tiêu cả năm 2023 so với ước TH 2022 (%)
					Mục tiêu Quý I(*)	Mục tiêu 6 tháng(*)	Mục tiêu 9 tháng(*)			
11	Tỷ lệ phường, xã, thị trấn có thiết chế văn hóa, thể thao đạt chuẩn	%	73,5	76,3				76,3	103,81	Sở Văn hóa và Thể thao
12	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	92,00	93,00	92,25	92,53	92,81	93,00	101,09	Bảo hiểm xã hội
13	Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	21,70	24,90	22,54	23,42	24,32	24,90	114,75	Bảo hiểm xã hội
VII MỘT SỐ CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG										
1	Tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh của dân cư nông thôn	%	87,00	88,00	87,25	87,50	87,90	88,00	101,15	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Tỷ lệ người dân đô thị được dùng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung:									Sở Xây dựng
	Đô thị loại IV trở lên	%	72	75	73,25	74,5	74,75	75		
	Đô thị loại V	%	89,6	90	89,7	89,8	89,9	90		
3	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị	%	96,5	96,5	96,5	96,5	96,5	96,5	100,00	Sở Tài nguyên và Môi trường
	Trong đó tỷ lệ xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	%	96,5	96,5	96,5	96,5	96,5	96,5	100,00	
4	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100,0	100	100	100	100	100	100,00	Ban quản lý KKT Đông Nam
5	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	87	90	87	88	88	90	103,4	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	Tỷ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, xử lý	%	63	65	63	64	65	65	103,2	Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Tỷ lệ chất thải nguy hại được tiêu hủy, xử lý	%	94,3	97,0	95	96	97	97	102,9	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Tỷ lệ thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại trong hoạt động sản xuất kinh doanh	%	85	93,0	93,0	93,0	93,0	93,0	109,4	Sở Tài nguyên và Môi trường
9	Tỷ lệ thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại trong hoạt động sản xuất nông nghiệp	%	97,9	98,0	98,0	98,0	98,0	98,0	100,1	Sở Tài nguyên và Môi trường
10	Tỷ lệ thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải y tế nguy hại	%	100	100	100	100	100	100	100	Sở Tài nguyên và Môi trường

Ghi chú: - (*) Chỉ tiêu dự báo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, không mang tính pháp lệnh, có thể được cập nhật, điều chỉnh phụ thuộc vào diễn biến thực tế của nền kinh tế.

- Các ngành chủ động đề xuất bổ sung các chỉ tiêu cần thiết ngoài danh mục trên đây để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành